

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 277/2018/HSPT
Ngày 31 - 8 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Y Thông KBuôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 230/2018/TLPT-HS ngày 13/7/2018 đối với bị cáo Bùi Thị Mỹ D về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2018/HSST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị Mỹ D**, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn X, xã E, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. Nơi thường trú: Thôn O, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; con ông Bùi Văn M và bà Bùi Thị C; bị cáo có chồng là Trần Trọng Q và có 01 con sinh năm 2016.

Tên án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại có kháng cáo: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985, Trú tại: Thôn O, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 02 năm 2018, Bùi Thị Mỹ D bế con nhỏ qua nhà cô ruột là chị Bùi Thị H ở cùng thôn O, xã E, huyện K, tỉnh Đắk

Lắc, mục đích nhờ con chị H trông giúp con của D. Khi đến nhà chị H, D gặp các cháu H1, và H2 (con chị H) nên D nói nhờ hai cháu trông con giúp nhưng cháu H1 và H2 nói còn phải đi tắm nên cả hai vào phòng tắm. Lúc này D đi vào nhà chị H, khi đi qua phòng ngủ thấy két sắt để sát giường ngủ và không đóng cánh cửa, bên trong két sắt có nhiều cọc tiền, quan sát không có ai ở gần nên D nảy sinh ý định trộm cắp tiền để tiêu xài. Sau đó D đi vào chỗ két sắt và lấy 01 cọc tiền gồm nhiều tờ 500.000 đồng được cột bằng dây thun vàng bỏ vào túi quần và đi về nhà cất giấu vào túi áo khoác của chồng. Khi bố chồng là ông Trần Văn T hỏi mượn tiền thì D đưa cho mượn 3.000.000 đồng, sau đó D cho mẹ chồng mượn số tiền 1.000.000 đồng, còn D sử dụng số tiền trộm cắp được tiêu xài cá nhân hết 2.500.000 đồng. Sau khi phát hiện mất tiền, chị H đã trình báo Công an huyện Krông Năng tiến hành giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Mỹ D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Mỹ D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/6/2018, bị cáo Bùi Thị Mỹ D và người bị hại Bùi Thị H kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thị Mỹ D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là thỏa đáng, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét thấy mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo và người bị hại là không có cơ sở, bởi vì bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn (48.000.000đồng). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm

không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Lời khai của bị cáo Bùi Thị Mỹ D tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 14/02/2018 tại nhà của chị Bùi Thị H tại thôn O, xã E, huyện K bị cáo Bùi Thị Mỹ D đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là số tiền 48.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Thị Mỹ D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Bùi Thị Mỹ D là thỏa đáng và phù hợp. Tuy nhiên, việc bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết; bởi lẽ, bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con nhỏ và bị cáo đang mang thai. Như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm người bị hại tiếp tục làm đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vì bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người bị hại - Sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị Mỹ D và người bị hại Bùi Thị H - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HSST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2, 4, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Mỹ D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị Mỹ D cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã O, huyện K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức